

Bản án số: **25/2024/DS - ST**
Ngày 14 / 9 / 2024

“*Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1) Bà Nguyễn Thị Bắc;
- 2) Ông Phạm Xuân Hùng;

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/DSST ngày 10 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXX – ST, ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH một thành viên C; người đại diện theo pháp luật ông **Bùi Quốc A** – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: **Thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Lý Văn T**, sinh năm 1981; có mặt
Nơi cư trú: **Thôn T, xã L, huyện S, Bắc Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên C do ông **Bùi Quốc A** đại diện trình bày:

Ngày 07/06/2022, Công ty TNHH Một thành viên C (gọi là Công ty C) có thỏa thuận với ông **T** về việc mua bán gỗ keo với nhau, ông **T** cung cấp bán cho Công ty và phía công ty trả tiền cho ông **T**, giá cả thỏa thuận, hai bên chỉ nói bằng miệng chứ không lập hợp đồng thành văn bản, Công ty C đã ứng cho ông **Lý Văn T** số tiền là

110.000.000đ. Tuy nhiên, kể từ ngày nhận tiền đến nay ông T không giao gỗ keo cho Công ty C như đã thỏa thuận, chỉ giao được lượng gỗ keo là 90.000.000đ, nay còn thiếu lượng gỗ keo là 20.000.000đ, Công ty nhiều lần yêu cầu trả số tiền đã tạm ứng nhưng ông T chưa trả.

Nay Công ty C đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Lý Văn T phải trả cho Công ty C số tiền là 20.000.000đ, về tiền lãi Công ty không có yêu cầu. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[2] Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Lý Văn T trình bày như sau:

Ông và Công ty C do ông Bùi Quốc A - Giám đốc Công ty có hợp đồng hợp tác mua bán gỗ keo với nhau; ông sẽ cung ứng cây keo đã khai thác cho Công ty và phía công ty trả tiền, giá cả theo thỏa thuận, hai bên giao dịch nói với nhau bằng miệng. Quá trình hợp tác, Công ty đã tạm ứng tiền cho ông số tiền vào tháng 6 năm 2022 là 110.000.000đ và ông có giao gỗ keo tương ứng số tiền 90.000.000đ; hiện nay còn nợ 20.000.000đ. Lý do ông chưa giao đủ hàng là do thời tiết mưa nhiều nên việc tìm hàng gặp khó khăn.

Nếu thời tiết thuận lợi thì ông sẽ vận chuyển gỗ keo cho Công ty tương ứng với số tiền 20.000.000đ để thanh toán xong cho Công ty; Toàn bộ số tiền của Công ty ứng cho ông thì ông đã đặt cọc cho các chủ vườn nên chưa có tiền trả ngay cho Công ty được. Nay ông nhất trí trả nợ dần số tiền trên cho Công ty C; ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

[3] Nhận xét của Viện kiểm sát đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên C với ông Lý Văn T.

Buộc ông Lý Văn T phải trả cho Công ty TNHH một thành viên C số tiền là: 20.000.000đ.

Về lãi suất chậm thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông **Lý Văn T** là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH một thành viên **C** khởi kiện ông **Lý Văn T** tại Tòa án nhân dân huyện Sơn Động về việc ông **T** ứng vay tiền không trả; ông **T** hiện đang cư trú tại huyện **S**, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn ông **Bùi Quốc A** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty C yêu cầu ông **T** trả số tiền còn nợ là 20.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình đã giao nộp Giấy xác nhận thông tin cư trú, phiếu chi.

Bị đơn ông **T** công nhận còn nợ **Công ty C** số tiền 20.000.000đ. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Ngoài các tài liệu trên các đương sự đã cung cấp để chứng minh ở trên thì các bên đương sự không còn giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ngày 07/06/2022, **Công ty C** có ứng tiền cho ông **Lý Văn T** để ông **T** thu gom bán gỗ keo cho **Công ty C** và phía Công ty trả tiền hàng cho ông **T**, giá cả theo thỏa thuận, hai bên chỉ nói bằng miệng và không lập hợp đồng thành văn bản, số tiền **Công ty C** đã ứng cho ông **T** là 110.000.000đ. Tuy nhiên, kể từ ngày nhận tiền đến nay ông **T** không giao đủ số lượng gỗ keo cho **Công ty C** như đã thỏa thuận, ông **T** mới cung cấp được lượng gỗ keo tương ứng với số tiền 90.000.000đ, nay còn nợ lại số tiền 20.000.000đ; **Công ty C** nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông **T** chưa trả.

Công ty C yêu cầu ông **Lý Văn T** phải trả số tiền là 20.000.000đ, ông **T** thừa nhận

còn nợ số tiền 20.000.000đ và nhất trí trả nhưng chưa có tiền trả. Do đó, ông T phải có trách nhiệm trả cho Công ty C toàn bộ số tiền còn nợ là 20.000.000đ.

Về tiền lãi: Do Công ty C không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về lãi suất chậm thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bên bị đơn ông Lý Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST, nhưng ông T thuộc hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí DSST. Nguyên đơn Công ty C không phải chịu án phí DSST nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên C đối với ông Lý Văn T.

Buộc ông Lý Văn T phải trả cho Công ty TNHH một thành viên C số tiền là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng chẵn).

Về lãi suất chậm thi hành án dân sự: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Ông Lý Văn T được miễn tiền án phí DSST. Hoàn trả Công ty TNHH C (do ông Bùi Quốc A – Giám đốc đại diện) số tiền 1.000.000đ đã nộp tạm ứng án phí DSST, theo biên lai số 0008585 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu .

Trần Văn Toàn